

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phú Chánh Thê;
2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tường – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 445/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị V**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Văn T kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HN, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/02/2004. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông T sống hạnh phúc nhưng 02 năm sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do:

Ông T đánh bà và nhiều lần có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Cách đây khoảng 05 năm – 06 năm, ông T lên Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Sau đó, ông T quay về, bà tha thứ và quay lại sống chung với ông T. Cách đây khoảng 01 năm 06 tháng, bà tiếp tục phát hiện ông T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà bắt gặp rất nhiều lần và có khuyên can nhưng ông T vẫn giữ mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ đó.

Ông T không tôn trọng gia đình bà. Khi cự cãi nhau, ông T có lời lẽ xúc phạm cha mẹ bà, cha mẹ bà khuyên can thì ông T bất lổi. Ông T còn không cho bà về thăm nhà cha mẹ bà, nếu bà về thăm thì bị ông T mắng chửi.

Ông T thường xuyên đi nhậu, có khi đi qua đêm không về, chỉ đưa tiền mà không cùng bà chăm lo cho gia đình.

Tiền bạc trong gia đình đều do ông T giữ, bà đi làm có tiền và cũng lo cho gia đình nhưng ông T luôn cho rằng bà đem tiền về cho cha mẹ bà, không lo gì cho gia đình.

Bà và ông T đã sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Bà đã cho ông T rất nhiều cơ hội nhưng ông T vẫn không sửa đổi, đến nay bà đã không còn tin tưởng, không còn tình cảm để tiếp tục sống chung với ông T được nữa nên bà kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Đặng Văn L, sinh ngày 13/4/2005. Sau khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông T không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, các biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà V về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà V, ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, giữa ông và bà V có phát sinh mâu thuẫn. Ông thừa nhận ông có đánh bà V nhưng do lúc đó ông quá nóng giận và ông có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chỉ là quen chơi, ông không có ý định ly hôn để đến với người đó vì người đó cũng có gia đình. Ông cũng thừa nhận là ông không cho bà V thường xuyên về thăm nhà cha mẹ, do mỗi lần về là bà V kiếm chuyện với ông.

Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn từ ban đầu giữa ông và bà V là về vấn đề tiền bạc, cụ thể là cách đây khoảng 06 năm, ông và bà V cùng vay tiền tại Ngân hàng, sau đó làm ăn thua lỗ và còn nợ lại 5.000.000 (năm triệu) đồng. Ông có năn nỉ bà V cùng ông trả nợ nhưng bà V không đồng ý, một mình ông phải đi làm trả nợ cho Ngân hàng. Từ việc này, giữa ông và bà V bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông đi làm lo cho kinh tế gia đình, còn bà V cũng đi làm nhưng không cùng ông lo gì cho kinh tế gia đình. Vợ chồng nhưng hoàn toàn không tin tưởng nhau, khi ông cần tiền

và hỏi bà V thì bà V bắt ông phải làm giấy tờ. Đến nay, ông và bà V không giải quyết được vấn đề này.

Bà V cho rằng ông không tôn trọng gia đình bà V là không đúng. Ông không có lời lẽ nào xúc phạm cha mẹ bà V, mà là khi cự cãi nhau, ông có nhắc lại chuyện trước đây cha mẹ bà V đánh ông.

Ông và bà V đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Ông có tìm cách liên hệ nhưng bà V đã chặn cuộc gọi của ông, ông không tìm được chỗ ở của bà V nên cũng không gặp mặt được. Do đó, hiện ông không có biện pháp gì để hàn gắn.

Ông thừa nhận ông có lỗi, ông cam kết sẽ sửa đổi. Ông còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn. Ông mong bà V cho ông thêm thời gian để hàn gắn, nếu ông tiếp tục làm sai thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu có ly hôn, ông đồng ý để bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Đặng Văn L, sinh ngày 13/4/2005, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà V không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà V không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, giữa bà V và ông T có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân của bà V và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V, bà V được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bà V và ông T thống nhất sau khi ly hôn, bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Đặng Văn L, sinh ngày 13/4/2005, ghi nhận bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bà V và ông T đều khai không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bà V và ông T đều khai không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Phạm Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và con chung với ông Đặng Văn T, ông T hiện đang cư trú tại xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà V và ông T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HN, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/02/2004 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà V thì trong quá trình chung sống, giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên bà xin được ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà V và ông T đều trình bày là trong quá trình chung sống, ông bà có phát sinh mâu thuẫn. Ông T thừa nhận các nguyên nhân mâu thuẫn mà bà V đã trình bày là ông có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông có đánh bà V nhưng do lúc đó ông quá nóng giận, ông không cho bà V thường xuyên về thăm nhà cha mẹ bà V do mỗi lần bà V về là kiểm chuyện với ông. Ngoài ra, bà V còn cho rằng ông T thường xuyên đi nhậu, có khi đi qua đêm không về, chỉ đưa tiền mà không cùng bà chăm lo cho gia đình, ông T không tôn trọng gia đình bà và luôn cho rằng bà đem tiền về cho cha mẹ bà, không lo gì cho gia đình. Ông T cho rằng giữa ông và bà V phát sinh mâu thuẫn từ ban đầu là về vấn đề tiền bạc, bà V không cùng ông trả nợ và ông phải đi làm một mình lo cho kinh tế gia đình, bà V cũng đi làm nhưng không cùng ông lo cho kinh tế gia đình, vợ chồng không tin tưởng nhau, mâu thuẫn này đã phát sinh từ khoảng 06 năm nay nhưng đến nay ông bà không giải quyết được.

Theo Biên bản xác minh ngày 16/12/2022 thì giữa bà V và ông T có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, ông T có đánh bà V và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Như vậy, trong quá trình chung sống giữa bà V và ông T đã có phát sinh mâu thuẫn, ông T có đánh bà V, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng khi ông có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ngoài ra, bà V và ông T cũng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời bà V và ông T đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng bà V xác định không còn tin tưởng, không còn tình cảm với ông T và kiên quyết xin ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn. Mặt khác, bà V và ông T đã sống ly thân khoảng 03 tháng nay nhưng đến nay ông bà vẫn không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà V và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V, bà V được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung:

Bà V và ông T có 01 con chung tên Đặng Văn L, sinh ngày 13/4/2005. Bà V và ông T thống nhất sau khi ly hôn, bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử xét thấy sự thống nhất này phù hợp với nguyện vọng của con chung, hiện tại con chung đang sống chung với bà V và để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất trên của bà V và ông T.

Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung:

Bà V và ông T đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung:

Bà V và ông T đều khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà V phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 60, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị V:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị V được ly hôn với ông Đặng Văn T.

- Về con chung: Bà Phạm Thị V và ông Đặng Văn T có một con chung tên Đặng Văn L, sinh ngày 13/4/2005. Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị V là người trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, ghi nhận bà Phạm Thị V không yêu cầu ông Đặng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đặng Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị V và ông Đặng Văn T đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị V và ông Đặng Văn T đều khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Phạm Thị V phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011128 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã HN, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yên